

# PHẦN MỞ ĐẦU

## **1- Sự cần thiết phải nghiên cứu chuyên đề:**

Thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, kể từ sau đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986 đến nay; Nền kinh tế đất nước đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Từ một nền kinh tế lạc hậu, khoa học chậm phát triển, cơ chế quan liêu bao cấp ràng buộc, đời sống nông dân gặp khó khăn nay đã chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Đối với sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương, chính sách đổi mới quản lý kinh tế, đổi mới quản lý nông nghiệp, giao quyền sử dụng đất nông nghiệp cho nông dân... Chính sách đa dạng hóa chủ sở hữu doanh nghiệp nông nghiệp Nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý trong doanh nghiệp, áp dụng các hình thức khoán trong các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, chuyển hướng hoạt động của doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước sang kinh doanh dịch vụ kỹ thuật đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho các hộ nhận khoán và nông dân trong vùng.

Đã có nhiều đơn vị thực hiện khoán vườn cà phê lâu dài cho người lao động, đặc biệt là các đơn vị sản xuất cà phê tại Tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông... như Công ty cà phê Thăng Lợi, Phước An, Eahnin, Easim, Iablan, Công ty cà phê Iagrai, Công ty cà phê Ia Sao.vv... mỗi đơn vị đã có hình thức khoán phù hợp với tình hình thực tại ở từng đơn vị. Để đáp ứng yêu cầu này, tôi đã nghiên cứu chuyên đề “ **Một số giải pháp hoàn thiện phương án khoán sản phẩm cà phê kinh doanh tại Công ty TNHH MTV cà phê 15**”.

## **2- Mục đích nghiên cứu chuyên đề:**

- Phân tích, đánh giá kết quả giao khoán vườn cây cà phê kinh doanh tại Công ty cà phê 15 giai đoạn 2009-2010.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện phương án khoán vườn cà phê kinh doanh cho người lao động tại Công ty TNHH MTV Cà phê 15.

## **3- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

- Đối tượng nghiên cứu: Khoán vườn cây cà phê kinh doanh cho người lao động tại Công ty TNHH MTV cà phê 15.

- Thời gian nghiên cứu: Chuyên đề được thực hiện trong thời gian từ tháng 6 đến tháng 8/2011. Số liệu được thu thập qua 2 năm 2009-2010.

## **4- Phương pháp nghiên cứu:**

Nghiên cứu thực tế, tiếp cận phương án khoán, phỏng vấn để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng người nhận khoán. Từ số liệu thực tế trong 02 năm (2009 - 2010) đánh giá tình hình thực hiện phương án khoán vườn cây cà phê kinh doanh tại Công ty TNHH MTV cà phê 15.

Dùng phương pháp so sánh, phân tích tìm ra những ưu điểm và những tồn tại của phương án khoán, đưa ra những giải pháp để hoàn thiện phương án khoán vườn cây cà phê kinh doanh tại Công ty TNHH MTV cà phê 15.

## **CHƯƠNG 1**

# **CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN**

## **1.1- Khái niệm và mục đích của khoán:**

### **1.1.1- Khoán trong doanh nghiệp nông nghiệp:**

Khoán là một hình thức quản trị sản xuất trong doanh nghiệp, theo đó doanh nghiệp sẽ thực hiện việc phân công, phân quyền, phân chia lợi ích cho cá nhân, hộ gia đình (gọi là bên nhận khoán) ở những mức độ khác nhau với từng hình thức cụ thể. Bên nhận khoán có thể trực tiếp sản xuất và chủ động quản lý, điều hành các khâu sản xuất mang tính sinh học trên những mảnh ruộng, vườn cây, đàn gia súc... của doanh nghiệp giao cho.

Xét về mặt sở hữu, khoán chính là hình thức đa dạng hoá chủ sở hữu trên vườn cây của doanh nghiệp, là phương pháp tổ chức quản lý có sự phân công phân quyền rõ ràng, trao quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho bên nhận khoán ở những khâu mang tính sinh học. Là hình thức giao kế hoạch cho bên nhận khoán cá nhân, hộ gia đình tổ chức thực hiện trên vườn cây, nhằm đem lại hiệu quả tối ưu cho doanh nghiệp và người nhận khoán cũng như làm tốt nghĩa vụ đối với nhà nước. Giao khoán là biện pháp thu hút mọi nguồn lực cá nhân và của hộ gia đình để phát triển sản xuất cho doanh nghiệp và nâng cao thu nhập cho người nhận khoán, gắn trách nhiệm với lợi ích trên cơ sở kết quả kinh doanh trên vườn cây của doanh nghiệp.

### **1.1.2- Mục đích của khoán**

- Tạo động lực thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, xã hội, tạo lợi thế cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

- Người lao động sau khi được giao khoán thì làm chủ vườn cây, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và lao động sản xuất, quyền lợi được gắn liền với nghĩa vụ. Bên cạnh đó muốn được hưởng quyền lợi thì người nhận khoán phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, do đó đã tạo ra động lực trong phát triển sản xuất, nâng cao được năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Đơn vị thực hiện khoán sản phẩm sẽ tiến hành giao khoán cho người nhận khoán là bàn giao lợi ích trực tiếp của người lao động với vườn cây, họ chủ động, tự quản lý các yếu tố của quá trình sản xuất, là biện pháp tốt nhất để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao.

## **1.2- Cơ sở khoa học và thực tiễn:**

### **1.2.1- Cơ sở lý luận:**

Khoán trong doanh nghiệp nông nghiệp là một hình thức quản trị sản xuất theo đó doanh nghiệp thực hiện phân công, phân quyền chia lợi ích cho cá nhân (Bên giao và bên nhận khoán) ở mức độ khác nhau phù hợp với hình thức khoán cụ thể đảm bảo hài hoà các lợi ích. Bên nhận khoán chủ động điều hành, quản lý cũng như việc sản xuất kinh doanh trên diện tích

vườn cây được giao khoán. Như vậy, đặc trưng cơ bản của khoán là phải có bên giao khoán, với tư cách là chủ sở hữu cuối cùng tài sản của doanh nghiệp và bên nhận khoán với tư cách là chủ thể kinh doanh trực tiếp sản xuất, quản lý, điều hành sản xuất sinh học trên vườn cây doanh nghiệp giao cho.

Sản xuất nông nghiệp có những đặc điểm khác biệt với các ngành sản xuất khác là mang tính sinh học, diễn ra trên một không gian rộng lớn chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện tự nhiên; Thời gian sản xuất ra sản phẩm cuối cùng của cây trồng vật nuôi dài, quá trình lao động sản xuất không trùng nhau. Cây trồng vật nuôi sinh trưởng phát triển và tạo sản phẩm theo chu kỳ khác nhau, tác động của con người chỉ ở một khoảng thời gian nhất định. Hậu quả của sự tác động ấy phụ thuộc rất nhiều vào thời điểm, chất lượng của sự tác động được xác lập trong các qui trình sản xuất cụ thể.

Những rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp không chỉ là ảnh hưởng của giá cả thị trường mà còn chịu tác động rất lớn của điều kiện tự nhiên. Để hạn chế rủi ro chỉ có thể xác lập các chủ thể kinh doanh trên từng vườn cây theo qui mô nhỏ, phù hợp với năng lực quản lý của cá nhân trong vùng sản xuất tập trung với qui mô lớn, gắn sản xuất chế biến với thị trường tiêu thụ.

Do vậy khoán trong doanh nghiệp nông nghiệp là một hình thức kinh doanh tất yếu và hiệu quả nhất phù hợp với đặc điểm sản xuất mang tính sinh học và qui luật phát triển mang tính thị trường.

### **1.2.2- Cơ sở thực tiễn:**

Cà phê là một loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, nó đặc biệt phù hợp với địa lý, khí hậu, thời tiết vùng tây nguyên. Tại Việt Nam cây cà phê được trồng phổ biến từ thời Pháp thuộc, ở một số đồn điền nhỏ do người Pháp quản lý và khai thác, sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu, khi đất Nước hoàn toàn giải phóng năm 1975 với tiềm năng to lớn về đất đai và nguồn nhân lực. Đảng, Nhà Nước chủ trương mở rộng và phát triển diện tích cà phê, hiện nay cà phê đã trở thành ngành hàng xuất khẩu mũi nhọn của Việt nam.

Cùng với việc mở rộng và phát triển cây cà phê tại vùng đất đỏ Tây nguyên, nhiều đơn vị quân đội đã được chuyển đổi thành các nông lâm trường quốc doanh thực hiện nhiệm vụ sản xuất, khai hoang trồng mới và chăm sóc hàng trăm ngàn ha cà phê thu hút nhiều lao động từ khắp mọi miền của đất nước đến lập nghiệp. Trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung, các hoạt động kinh tế - xã hội được nhà nước bao cấp, các nông lâm trường chủ yếu điều hành theo phương thức sản xuất tập trung.

Cùng với các chính sách đổi mới nền kinh tế của đất nước, để góp phần giữ vững ổn định an ninh, chính trị, trật tự an toàn trên địa bàn Tây nguyên, hàng loạt các chính sách đổi mới kinh tế nông nghiệp của Đảng đã ra đời, như: Nghị quyết 10NQ/TW ngày 05 tháng 4 năm 1988 của Bộ chính trị, và sau đó là Nghị định 12-NĐ/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về việc sắp xếp lại tổ chức và đổi mới cơ chế quản lý các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh nông nghiệp; Nghị định 01-NĐ/CP năm 1995 của Chính phủ về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất Nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các Doanh nghiệp nhà Nước; Nghị định 135/2005/NĐ/CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về việc giao khoán đất Nông nghiệp, đất rừng và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các Nông trường Quốc doanh, lâm trường Quốc doanh; Thông tư số:102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006, hướng dẫn một số điều của Nghị Định 135/2005/NĐ/CP.

Ngoài ra, còn có những chính sách xã hội, cơ chế ưu đãi đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới ở khu vực Tây nguyên...

Tất cả những chủ trương chính sách nêu trên là cơ sở pháp lý tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất có ảnh hưởng to lớn đến sự tồn tại phát triển của các doanh nghiệp đang đứng chân trên địa bàn Tây nguyên đó là: Cuộc sống người lao động từng bước cải thiện đáng kể, an ninh quốc phòng được giữ vững và ổn định.

Cùng với địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc các làng, xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số đã thay đổi nhiều như: Điện, đường, trường, trạm được xây dựng để phục vụ người dân nơi đây.

Tuy nhiên, việc vận dụng các chính sách đổi mới của Đảng, đặc biệt là cơ chế khoán trong nông nghiệp ở các doanh nghiệp khác nhau. Mỗi doanh nghiệp tùy thuộc vào các điều kiện đặc điểm của đơn vị mình để xây dựng phương án khoán cho phù hợp, trong thực tế có rất nhiều phương án khoán khác nhau. Dựa vào các yếu tố chi phí đầu vào có 3 hình thức khoán cơ bản là:

+ Khoán đơn giá tiền lương

+ Khoán một phần chi phí( người nhận khoán được giao tự chủ các khoản như: quỹ tiền lương,một số loại công cụ sản xuất, các chế độ BHYT, BHXH, cũng như các chế độ khác liên quan đến người lao động....gắn với sản phẩm cuối cùng)

+ Khoán toàn bộ chi phí gắn với sản phẩm cuối cùng là hình thức khoán mà người nhận khoán có đủ năng lực quản lý và nguồn lực để tổ chức sản xuất trên vườn cây nhận khoán.Hình

thức này là là hình thức đạt trình độ cao trong doanh nghiệp, đòi hỏi bên nhận khoán phải thực sự có năng lực về quản lý, kỹ thuật, tài chính...điều hành làm chủ trên vườn cây nhận khoán.

Thời gian giao khoán, có thể là khoán ngắn hạn từ 1 đến 2 năm, khoán trung hạn 5 năm, khoán dài hạn trên 5 năm.

Ở mỗi hình thức khoán mức độ giao khoán có khác nhau, do vậy có thể nói công tác khoán là rất đa dạng, phong phú, khoán còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố cũng như sự phát triển của doanh nghiệp.

Việc vận dụng các phương án khoán tùy thuộc vào điều kiện của từng doanh nghiệp, nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- 1) Khoán ổn định lâu dài (có điều chỉnh khi chính sách nhà Nước thay đổi)
- 2) Các quan hệ giao dịch trên cơ sở thị trường.
- 3) Đảm bảo hài hoà 3 lợi ích: lợi ích nhà nước, lợi ích doanh nghiệp, lợi ích người lao động
- 4) Trong quá trình thực hiện phải dân chủ, công khai và thực hiện đúng các cam kết.

Thực tế đã chứng minh việc vận dụng khoán ở các doanh nghiệp sản xuất cà phê, ở đâu thực hiện phương án khoán tốt, thì ở đơn vị đó vườn cây phát triển bền vững cho năng suất sản lượng cao, thu nhập của người lao động tăng, đời sống được cải thiện và doanh nghiệp phát triển.

## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG KHOÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV CÀ PHÊ 15

---

### **2.1- Tổng quan về Công ty TNHH MTV cà phê 15:**

#### **2.1.1- Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV cà phê 15:**

Công ty TNHH MTV cà phê 15 được thành lập vào ngày 18 tháng 4 năm 1996 theo quyết định số 489/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, trên cơ sở sát nhập Nông trường

352 và Nông trường 712. Công ty thuộc sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 (Tổng công ty 15), từ ngày 01 tháng 7 năm 2005 đến nay thuộc sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tư lệnh Quân khu 5.

Theo quyết định của Bộ Quốc phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2010 sát nhập Công ty 53 (trong đó có Đoàn KT Quốc phòng Quảng Sơn ) – Binh đoàn 12 – Bộ Quốc phòng về trực thuộc Công ty TNHH MTV cà phê 15 quản lý.

Quyết định số 2355/QĐ-BQP ngày 21/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc chuyển Công ty cà phê 15 thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê 15 gọi tắt là Công ty cà phê 15, với 8 ngành nghề kinh doanh:

1- Trồng, chăm sóc, chế biến, tiêu thụ cao su, cà phê, hồ tiêu, điều, cây nguyên liệu giấy, lương thực, thực phẩm.

2- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, phân bón, thuốc trừ sâu các loại.

3- Trồng, khoanh nuôi bảo vệ rừng.

4- Xây dựng dân dụng, xây dựng giao thông thủy lợi.

5- Đại lý kinh doanh xăng dầu.

6- Dịch vụ thương mại miền núi.

7- Chăn nuôi gia súc.

8- Xuất nhập khẩu sản phẩm và vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty được giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế gắn với củng cố quốc phòng trên địa bàn Tây nguyên, có đoàn kinh tế Quốc phòng Quảng sơn ở Tỉnh Đắk Nông và khu kinh tế Quốc phòng Cư M'gar ở Tỉnh Đắk Lắk. Địa bàn Công ty hiện nay đóng quân là vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn gắn liền với 12 xã phường của 7 Huyện, Thành phố, Thị xã thuộc 3 Tỉnh Gia lai, Đắk Lắk, Đắk Nông.

Công ty cà phê 15 quản lý sử dụng 11.450 ha đất tự nhiên. trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp là 1.321 ha, đất lâm nghiệp 9.330 ha, đất chuyên dụng 45,1 ha, đất ở vườn hộ gia đình 350ha, đất khác 403,9 ha.

### **2.1.2-Phương hướng và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:**

Trong thời gian tới phương hướng đặt ra của Công ty lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phương án khoán sản phẩm phù hợp, sát với thực tiễn, phân đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị trung tâm; mở rộng phát triển sản xuất thực hiện có hiệu quả các dự án khu Kinh tế - Quốc phòng; quản lý tốt tài sản, nguồn vốn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; bảo toàn phát triển

nguồn vốn, phần đầu năm năm tới có tốc độ tăng trưởng về kinh tế hằng năm bình quân từ 10 - 15%, thu nhập bình quân 2,9 - 4 triệu đồng/người/tháng; hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ đối với Nhà nước, Quân đội, địa phương và xã hội.

Những chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu nhiệm kỳ 2010 – 2015:

- Mở rộng sản xuất, phát triển nhiều ngành nghề, đến 2015 có diện tích cây trồng các loại 2.000 ha trở lên.

- Sản lượng cà phê quả tươi đạt bình quân 14tấn/ha (thu theo phương án khoán 12 tấn/ha).

- Thực hiện thu hồi công nợ mỗi năm từ 500 – 700 tấn.

- Sản xuất phân hữu cơ vi sinh đạt 4.000 tấn/năm trở lên; từ bảo đảm phân hữu cơ vi sinh các loại theo yêu cầu sản xuất.

- Mở rộng quy mô sản xuất, phát triển ngành nghề ở hai khu Kinh tế - Quốc phòng (Cư M'gar và Quảng Sơn).

- Bảo đảm tăng doanh thu, lợi nhuận từ 10 -15%; nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời.

- Thu nhập bình quân của người lao động từ 2,9 – 4 triệu đồng/người/tháng.

- Đến năm 2012 toàn Công ty không có hộ nghèo.

## **2.2- Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội:**

### **2.2.1- Vị trí địa lý, địa hình, địa chất:**

#### **2.2.1.1- Vị trí địa lý và dân cư:**

##### **\* Vị trí địa lý**

- Công ty cà phê 15 đóng quân trên địa bàn 12 xã của 7 huyện, thành phố, thị xã thuộc 3 tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông. Cụ thể là:

- Đội 1,2,3,4,5,6,7, cơ quan Công ty đóng quân ở địa bàn xã Cư Dliê M' nông – Huyện Cư M'gar – Tỉnh Đắk Lắk.

- Đội 8 ở Phường Thiện An – Thị Xã Buôn Hồ – Tỉnh Đắk Lắk.

- Đội 9 ở Phường Yên Thế – Thành phố Pleiku – Tỉnh Gia Lai.

- Đội 10 ở xã Ia Dêr – Huyện Ia Grai – Tỉnh Gia Lai.

- Đội 11 ở xã Ia Sao – Huyện Ia Grai – Tỉnh Gia Lai.

- Đội 12 ở xã Ea Đrưng – Huyện Cư M'gar – Tỉnh Đắk Lắk.

- Đội 14 ở xã Ea Nuêch – Huyện Krông Pak – Tỉnh Đắk Lắk.



- Đội 15 ở xã Quảng sơn-Huyện Đắk Glong-Tỉnh Đắk Nông

Đội 16, 17, 18, 19, Đoàn Kinh tế quốc phòng Quảng Sơn ở xã Quảng Sơn – Huyện Đắk Glong – Tỉnh Đắk Nông.

**\* Dân cư:**

Dân cư ở tập trung khá dày đặc ở giáp khu vực trung tâm như cụm dân cư đội 9, đội 11, ở địa bàn Gia lai, cụm dân cư 7 đội ở địa bàn Đăk lăk. Đồng bào dân tộc thiểu số sống đan xen ở một số khu vực xung quanh địa bàn các đơn vị của Công ty.

Trong đó: Số người nhận khoán lô cà phê của Công ty bao gồm:

- Đội 1 có : 106 Chủ lô (74,092 ha)
- Đội 2 có : 84 Chủ lô (92,70 ha)
- Đội 3 có : 107 Chủ lô (67,02 ha)
- Đội 5 có : 129 Chủ lô (102,99 ha)
- Đội 6 có : 79 Chủ lô (58,2 ha)
- Đội 7 có : 110 Chủ lô (70,5 ha)
- Đội 8 có : 55 Chủ lô (47,09 ha)
- Đội 9 có : 81 Chủ lô (116,3 ha)
- Đội 10 có : 84 Chủ lô (176,03 ha)
- Đội 11 có : 95 Chủ lô (176,34 ha)
- Đội 12 có : 128 Chủ lô (146 ha)
- Đội 14 có : 83 Chủ lô (117,25 ha)

Với đội ngũ công nhân và dân cư dồi dào như vậy thì rất thuận lợi cho việc giao khoán vườn cây cà phê.

- Tay nghề của công nhân nhận khoán cơ bản là công nhân bậc cao và chủ yếu tuyển dụng ở các tỉnh phía Bắc như: Hà Nội, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, v.v..

**2.2.1.2- Địa hình:**

Đặc thù địa hình của Công ty là tương đối bằng, ít dốc rất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp.

Đất đai thuộc phạm vi quản lý của Công ty có dạng đồi thoải lượn sóng vừa và nhẹ, có độ cao trung bình 650m so với mực nước biển, độ dốc trung bình từ 3-5 độ, nhìn chung địa hình Công ty có khả năng cơ giới hoá cao.

Thổ nhưỡng: Phần lớn là đất đỏ ba zan chiếm khoảng 80% tổng diện tích, tầng đất dày trên 100 cm.

### **2.2.1.3- Địa chất:**

- Đất đai Công ty quản lý đã hợp đồng với trường đại học Tây nguyên khảo sát lấy mẫu phân tích ... và kết luận phù hợp trồng cây cà phê, cao su.

- Giao thông tương đối thuận lợi, là một trong những yếu tố quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội cũng như việc đầu tư sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

### **2.2.2- Điều kiện khí hậu, thời tiết:**

Địa bàn Công ty đứng chân mang đặc thù khí hậu nhiệt đới cao nguyên một năm chia làm 2 mùa rõ rệt.

Mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4. Và gần như không có mưa, độ ẩm không khí thấp, nắng nóng, gió mạnh làm tăng nhanh quá trình bốc hơi nước, mặt đất khô hanh là những yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến sinh trưởng phát triển của cây cà phê.

Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Số ngày mưa bình quân trong năm = 158 ngày, lượng mưa trung bình hàng năm từ 1900 đến 2200mm. Trong vùng hàng năm không có bão mà thường xuyên có hai loại gió :

- Gió tây nam xuất hiện từ tháng 5-11.

- Gió đông bắc thổi từ tháng 12-4.

Nhưng mùa mưa tập trung trong tháng 7, tháng 8 lượng mưa tương đối lớn dẫn đến sự xói mòn rửa trôi và làm giảm độ phì của đất.

Nhiệt độ ngày và đêm giao động từ 16 đến 32 độ , thời tiết thuận lợi cho trồng cây Cà phê, cao su.

### **2.2.3- Đặc điểm về cơ cấu hạ tầng:**

- Hệ thống điện sinh hoạt: Đường dây điện cao thế 220kw đã được kéo điện đến từng hộ dân cư và người dân đã có điện sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

- Hệ thống đường: Công ty đã đầu tư vốn ngân sách xây dựng đường nhựa và đường cấp phối nội vùng từ Công ty xuống đội sản xuất, thuận lợi cho vận chuyển sản phẩm.

- Hệ thống trường học: Hiện nay các trường học đã được xây dựng đầy đủ (từ nhà trẻ đến trường Tiểu học) để phục vụ nhu cầu học tập của con em công nhân lao động

- Hệ thống trạm xá: Đã xây dựng nâng cấp Bệnh xá phục vụ khám và chữa bệnh ban đầu cho công nhân lao động và con em công nhân.

- Hệ thống thủy lợi: Công ty đã đầu tư xây dựng 100% các công trình hồ, đập tích nước kiên cố tại các đơn vị giúp cho việc dẫn nước phục vụ tưới cà phê được đảm bảo.

### **2.2.4- Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV cà phê 15:**

Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình quản lý trực tuyến gồm có:

- *Giám đốc*: Người đứng đầu bộ máy quản Lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty, là đại diện pháp nhân của Công ty.

- *Phó giám đốc*: Giúp việc cho giám đốc, được giám đốc uỷ quyền điều hành hoạt động sản xuất và công tác nội chính của Công ty.

Công ty có 4 phòng chức năng: Phòng chính trị, Phòng Tài chính kế toán, Phòng kế hoạch kỹ thuật, Phòng Tham mưu hành chính.

- *Phòng Chính trị*:

Phòng chính trị Công ty đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị trong Công ty. Hoạt động dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty trong các hoạt động của Công ty. Tham mưu cho giám đốc về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ Công ty có đủ số lượng, cơ cấu hợp lý, chất lượng cao, hoàn thành tốt chức trách được giao, đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài.

Tham mưu với Đảng ủy Công ty nội dung, biện pháp hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị trong Công ty. Đồng thời xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị ở cấp mình, hướng dẫn, kiểm tra cơ quan, đơn vị thực hiện.

- *Phòng Tài chính - Kế toán*:

Thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo pháp luật kế toán, chịu trách nhiệm trước giám đốc Công ty và cơ quan tài chính cấp trên về quản lý sử dụng vốn đúng mục đích và tham mưu cho giám đốc Công ty về kế hoạch và biện pháp bảo toàn vốn và tài sản của công ty; Lập quyết toán lương hàng năm toàn Công ty thông qua giám đốc phê duyệt. Lập kế hoạch tài chính tháng, quý, năm và các báo cáo thống kê, quyết toán của Công ty theo chế độ qui định.

- *Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Kinh doanh*:

Tham mưu cho giám đốc về xây dựng kế hoạch tháng, quý, năm, giúp cho giám đốc chọn giải pháp tối ưu trong điều hành sản xuất và tiếp thu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Tham mưu cho giám đốc về kế hoạch sản xuất, chế biến, cung ứng vật tư, phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- *Phòng Tham mưu - Hành chính*:

Tham mưu cho giám đốc về công tác quân sự... tổ chức nhân sự, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, lập bảng lương hàng tháng thông qua giám đốc, phê duyệt tham mưu

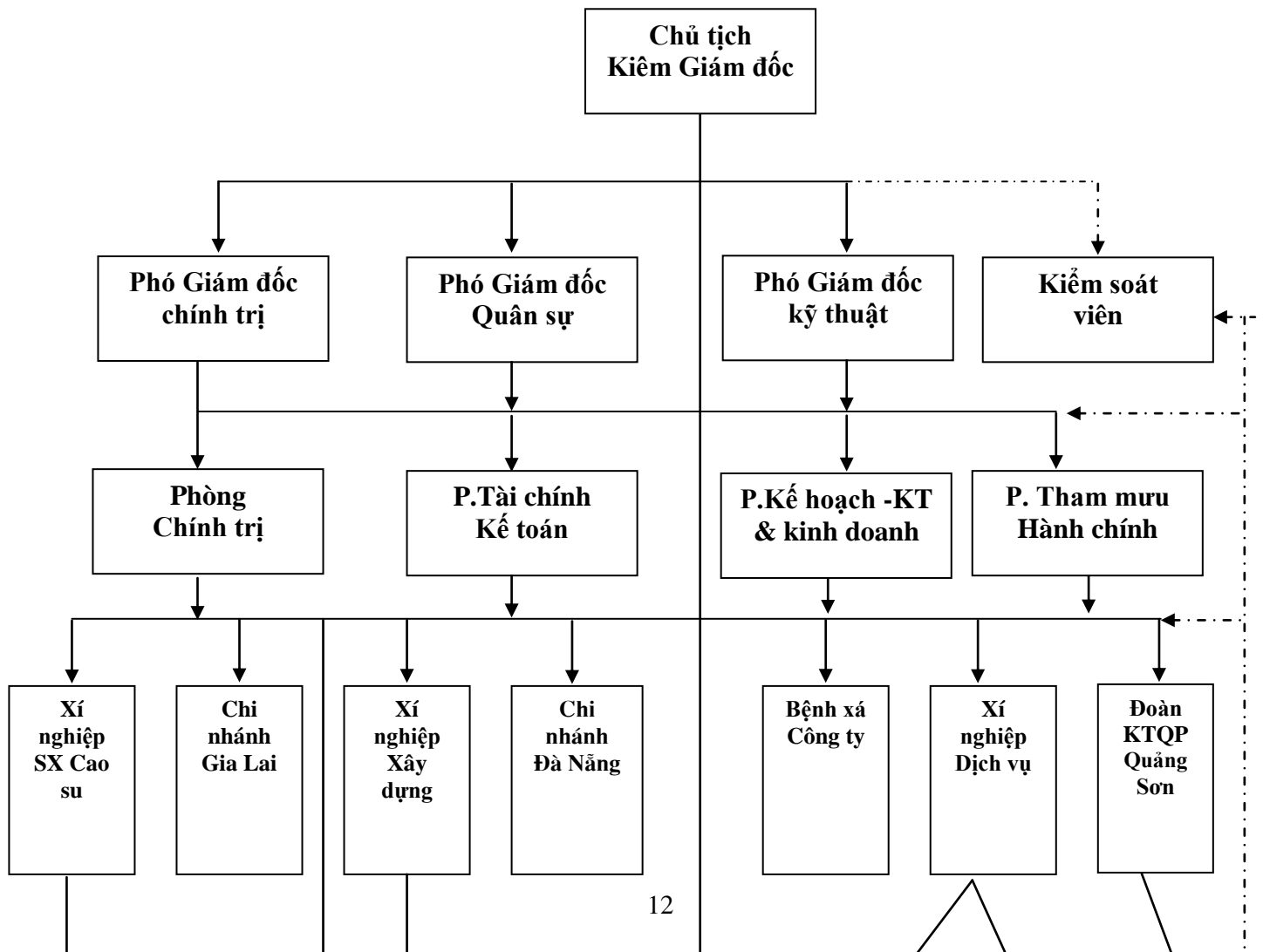
cho giám đốc giải quyết chính sách cho người lao động như tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, nghỉ chế độ quy định của Nhà nước.

Theo dõi công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, lưu trữ hồ sơ, văn bản, quản lý văn thư bảo mật.

Ngoài ra, Công ty còn có các bộ phận sau:

- Bệnh xá Công ty.
- Đoàn Kinh tế Quốc phòng.
- Xí nghiệp Xây dựng.
- Xí nghiệp dịch vụ.
- Xí nghiệp sản xuất cao su
- Chi nhánh Gia Lai.
- Chi nhánh Đà Nẵng
- Các đội sản xuất Cà phê: Từ Đội 1 đến đội 14.
- Các Đội sản xuất vật liệu xây dựng, Phân vi sinh, Đội trồng trọt trực thuộc các Xí nghiệp.

**Sơ đồ 1: Bộ máy tổ chức của Công ty TNHH MTV cà phê 15**



(Nguồn: Phòng Tham mưu hành chính)

**Bảng 1: Cơ cấu lao động tại Công ty**

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (Người)	Cơ cấu (%)
1	Tổng số lao động:	1.368	100%
	Trong đó:		
	- Lao động Nam.	830	60%
	- Lao động Nữ	538	40%
2	Trình độ chuyên môn:		
	Trong đó:		
	- Trình độ Đại học	31	2,3%
	- Trình độ Cao Đẳng	10	0,74%
	- Trình độ Trung cấp	115	8,57%
	- Trình độ Sơ cấp	68	5,0%
- Lao động Phổ thông	1.118	83,39%	

(Nguồn: Phòng Tham mưu hành chính)

Nhìn chung cơ cấu lao động của Công ty chưa đồng đều, tỷ lệ lao động phổ thông còn cao (83,39%), trong khi trình độ đại học, cao đẳng còn thấp (khoảng 3%). Do vậy, Công ty cần có chính sách đào tạo để dần nâng cao trình độ lao động của Công ty.

## 2.2.5- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010:

**Bảng 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

TT	Danh mục	ĐVT	Năm thực hiện				Quý 1 năm 2011
			2007	2008	2009	2010	
1	Giá trị sản xuất - Sản lượng cà phê tươi	Tr. đồng Tấn	4.544	46.069 6.776	56.947 6.304	85.790 9.483	
2	Doanh thu - Doanh thu cà phê	Tr.đồng Tr.đồng	32.449 32.449	35.216 34.252	39.956 31.586	72.003 52.401	49.372
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.343	4.700	3.870	6.656	8.130
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	5.380	5.318	6.282	9.379	
5	Thu nhập tiền lương bình quân người/tháng	Tr.đồng	1,367	1,908	2,256	3,500	
6	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	8.291,0	8.526,9	9.840,4	18.377,0	

(Nguồn các báo cáo quyết toán từ năm 2007 đến năm 2010 và 3 tháng đầu năm 2011)

Qua bảng ta thấy sản lượng của Công ty đều tăng qua các năm dẫn đến doanh thu cũng tăng theo. Đặc biệt năm 2010, doanh thu đạt giá trị cao nhất qua các năm (hơn 72 tỷ đồng). Lợi nhuận thì tăng đột biến lý do giá cà phê năm 2010 tăng vọt làm chi phí bỏ ra để chăm sóc cây trồng ngày đã đủ bù đắp dẫn đến lợi nhuận cao. Mặc dù vậy, chất lượng vườn cây một số không đồng đều, có diện tích vườn cây già cỗi, kinh doanh kém hiệu quả, phải thanh lý chuyển đổi cây trồng, khó khăn trong việc giải quyết lao động dôi dư. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến sản lượng giao khoán bị giảm sút.

## 2.2.6- Đánh giá những mặt thuận lợi, khó khăn:

### 2.2.6.1- Thuận lợi:

- Điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu, đất đỏ ba -zan, địa hình tương đối bằng, v.v.. rất phù hợp với việc trồng các loại cây dài ngày như cà phê với cao su...

- Đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm nhiều năm sản xuất kinh doanh cà phê và cao su, có năng lực về chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu của Công ty.

- Đội ngũ lao động trực tiếp có trách nhiệm, cần cù, chịu khó, tích cực đầu tư chăm sóc lô nhận khoán.

- Cơ sở hạ tầng: Điện, đường, trường, trạm v.v.. phát triển cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của Công ty, đơn vị và cộng đồng dân cư trong khu vực.

#### **2.2.6.2- Khó khăn:**

- Mùa khô kéo dài 5 tháng không có mưa, độ ẩm không khí thấp, nắng nóng, gió mạnh làm tăng nhanh quá trình bốc hơi nước, mặt đất khô hanh là những yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến sinh trưởng phát triển của cây Cà phê, cao su.

- Mùa mưa tập trung trong 7 tháng, lượng mưa tương đối lớn dẫn đến sự xói mòn, rửa trôi, làm giảm độ phì nhiêu màu mỡ của đất.

- Kỹ thuật chăm sóc của người lao động trong sản xuất cây cà phê còn nhiều hạn chế, một bộ phận chưa đáp ứng được nhu cầu thâm canh cây cà phê.

### **2.3- Thực trạng phương án khoán của Công ty TNHH MTV Cà phê 15 đã tổ chức thực hiện theo các bước như sau:**

#### **2.3.1- Phương án khoán:**

Khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động, trong đó: Giao diện tích và giá trị vườn cây cà phê kinh doanh cho người nhận khoán tiếp nhận chăm sóc theo quy trình sản xuất đầu tư của doanh nghiệp, người nhận khoán thu hoạch giao nộp cho Công ty theo sản lượng giao khoán. Bao gồm những nội dung sau:

*a- Với cây cà phê kinh doanh:* Trên cơ sở phương án khoán 2007 – 2009, phương án khoán vườn cà phê kinh doanh giai đoạn 2010-2012, có tính toán điều chỉnh hợp lý, từng vùng, từng loại bảo đảm sản xuất bền vững, kinh doanh có hiệu quả – doanh nghiệp có lãi, thu nhập của người lao động tăng theo chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước.

*c-* Khoán sản phẩm cuối cùng đối với sản phẩm cà phê quả tươi theo các yếu tố tính đến cho từng vườn cây nhận khoán.

*d-* Giao khoán các chỉ tiêu định mức kinh tế – kỹ thuật theo quy trình sản xuất được xây dựng theo lịch thời vụ.

*e-* Hàng năm Công ty xây dựng các khoản chi phí đầu tư quy trình sản xuất trình Tư lệnh Quân khu, phòng kinh tế Quân khu phê duyệt để làm cơ sở nghiệm thu thanh toán cho người nhận khoán.

f- Thời gian giao khoán ổn định từ năm 2010 đến năm 2012

### **2.3.1.1- Hình thức giao khoán:**

Hiện nay Công ty áp dụng hai phương án khoán sau:

\* *Khoán chi phí đầu tư:*

Là hình thức khoán sản phẩm cho người nhận khoán gắn với khoán quỹ lương và chi phí vật chất thường xuyên (biển phí), thực chất là khoán V và một phần C2.

\**Khoán gọn:*

+ Công ty giao khoán toàn bộ diện tích vườn cây cà phê kinh doanh cho người lao động, theo định mức và thu sản phẩm khoán theo mức khoán của từng vườn cây. Giao công nhân quyền tự chủ từ khâu đầu tư, chăm sóc đến thu hoạch sản phẩm nhưng dưới sự quản lý hướng dẫn kỹ thuật của Công ty.

+ Người nhận khoán tự đầu tư theo định mức kinh tế - kỹ thuật để hưởng sản phẩm vượt khoán trên diện tích nhận khoán.

### **2.3.1.2- Đối tượng nhận khoán:**

- Cán bộ, viên chức và người lao động đang làm việc tại Công ty, con của cán bộ, viên chức đã đến tuổi lao động có nhu cầu nhận khoán.

- Cán bộ, viên chức làm việc tại Công ty nay nghỉ chế độ (nghỉ hưu, mất sức, thôi việc v.v..) có nhu cầu nhận khoán.

- Các cá nhân, hộ nông dân trực tiếp nhận khoán vườn cây, đang cư trú hợp pháp tại địa phương được chính quyền địa phương giới thiệu.

### **2.3.1.3- Thời gian giao khoán:**

- Giao khoán diện tích cà phê vối trong 30 năm (Giai đoạn khoán 3 năm).

### **2.3.1.4- Phương pháp xây dựng định mức giao khoán:**

+ **Bước 1: Xác định giá trị vườn cây giao khoán.**

- Giá trị vườn cây giao khoán được xác định.

+ Giá trị vườn cây = Diện tích x đơn giá 1 ha.

*Trong đó:*

- Đơn giá 1 ha = Tổng chi phí chăm sóc thời kỳ KTCB/Tổng diện tích đối với vườn cây trồng bằng các nguồn vốn trước đây kể cả vốn ngân sách, vay tín dụng, vay theo chương trình 327 khu vực Đắc lăk... Giá trị tính theo thời điểm đánh giá lại tài sản cố định năm 2001 là 45 triệu/ha.



-Do vườn cây sau khi các diện tích già cỗi kém phát triển do các yếu tố khách quan ở khu vực đội 4 cũ, đội 8,đội 12 đã có quyết định thanh lý, chuyển đổi trồng cao su.Chi tiết với vườn cây cà phê kinh doanh đã có sự tăng trưởng phát triển đồng đều,điểm chất lượng vườn cây bổ sung 3 điểm/1 ha

**+Bước 2: Tiến hành cho điểm các yếu tố và tính toán tổng số điểm giao khoán cho từng công nhân lao động nhận khoán.**

**1-** Điểm giá trị vườn cây: Điểm giá trị vườn cây quy ước cứ 1 triệu đồng tính bằng 1 điểm (điểm giá trị vườn cây đã bao gồm cả phần trượt giá và đánh giá lại tài sản cố định theo quy định của Nhà nước và phần đầu tư phục hồi vườn cây bằng nguồn vốn Công ty vay bổ sung).

**2** -Điểm chất lượng vườn cây quy định 3 điểm/1ha

**3-** Điểm phân hạng đất: Quy ước trên cơ sở kết quả phân tích thổ nhưỡng của Trường Đại học Tây nguyên năm 2003 (tính cho 1 ha) gồm có 4 hạng và tính điểm như sau:

- Đất hạng 1 = 42 điểm.

- Đất hạng 2 = 39 điểm.

- Đất hạng 3 = 36 điểm.

- Đất hạng 4 = 30 điểm.

**4-** Điểm độ dài cấp nước và độ cao cấp nước: Các quy ước để tính điểm của 2 yếu tố được tính toán cụ thể (kèm theo bảng tính toán).

Bảng tính độ dài cấp nước: Quy ước các mức tính điểm bao gồm:

- Từ 200m trở xuống = 4 điểm.

- Khoảng cách từ 201m đến 500m cứ tăng thêm 100m được cộng thêm 0,2 điểm.

- Khoảng cách từ 501m đến 1000m cứ tăng thêm 100m được cộng thêm 0,25 điểm.

- Khoảng cách từ 1.001m đến 1.500m cứ tăng thêm 100m được cộng thêm 0,3 điểm.

- Khoảng cách từ 1.501m trở lên cứ tăng thêm 100m được cộng thêm 0,35 điểm.

**Bảng 3:** Bảng tính chi tiết cho điểm độ dài cấp nước (tính cho 1 ha).

Mức	Độ dài m	Điểm
1	< 200	4,00
2	201-300	4,20
3	301-400	4,40
4	400-500	4,60

5	501-600	4,85
6	601-700	5,10
7	701-800	5,35
8	801-900	5,55
9	901-1000	5,80
10	1001-1100	6,10
11	1101-1200	6,40
12	12001-1300	6,70
13	1301-1400	7,00
14	1401-1500	7,30
15	1501 trở lên cứ tăng 100m + thêm 0,35 cho đến hết độ dài.	

*Nguồn: Phòng kế hoạch – Kỹ thuật- Kinh doanh*

**Bảng 4: Bảng tính độ cao cấp nước (tính cho 1ha)**

Mức	Độ cao (m)	Điểm tưới	Điểm sản lượng
1	< 20	5,50	8,00
2	21-24	6,00	7,50
3	25-29	6,50	7,00
4	30-34	7,00	6,50

*Nguồn: Phòng kế hoạch – Kỹ thuật- Kinh doanh*

-Đối với điểm của 2 yếu tố này chỉ áp dụng điểm độ cao cấp nước để tính giao khoán sản lượng vì độ cao ảnh hưởng rất lớn đến năng suất sản lượng của vườn cây nên điểm độ cao phải tính điểm giờ tưới và điểm sản lượng. Riêng yếu tố độ dài không áp dụng để tính giao khoán sản lượng mà chỉ áp dụng để phân bố giờ tưới phù hợp địa hình dài, ngắn do đơn vị xác định với người nhận khoán có giám sát của Công ty.

+ Thông qua điểm 2 yếu tố độ cao và độ dài cấp nước để tính toán xác định thời gian tưới bình quân của một điểm áp dụng đối với từng đơn vị bằng cách lấy tổng số giờ tưới theo kế hoạch của toàn bộ diện tích của 1 đội chia cho tổng số điểm của 2 yếu tố độ dài và độ cao cấp nước để biết 1 điểm là bao nhiêu, áp dụng cho toàn đội. Sau đó căn cứ vào thời gian bình quân 1 điểm để quy ra giờ tưới của từng chủ lô.

+ và giờ tưới được xác định lần 1 = 12 giờ, lần 2 = 9 giờ, lần 3 = 6 giờ đối với máy lớn, máy con căn cứ vào định mức để quy ra.

Ví dụ: (áp dụng cho máy lớn Sima), đơn vị đội 11 có tổng diện tích = 75ha thì cách tính như sau:

a- Xác định thời gian tưới bình quân của 1 điểm: Định mức giờ tưới kế hoạch của Công ty lần 1 là 12 giờ = 720 phút.

-Tổng điểm của 2 yếu tố độ dài và cao cấp nước đơn vị tự chấm.... được 985,5 điểm, bình quân 13,14 điểm/ha.

Ta có: Tổng số giờ tưới kế hoạch là  $75 \text{ ha} \times 720 \text{ phút} = 54.000 \text{ phút}$ .

Bình quân 1 điểm =  $54.000 \text{ phút} : 985,5 \text{ điểm} = 0,91 \text{ giờ}$  quy bằng 54,5 phút.

b- Áp dụng tính thời gian tưới cho từng chủ lô.

*Ví dụ 1:* Lô nhận khoán đ/c A có diện tích = 1ha.

Độ cao cấp nước < 20m = 5,5 điểm.

Độ dài cấp nước < 200m = 4,0 điểm.

Tổng số điểm của 2 yếu tố độ dài và cao cấp nước là: 9,5 điểm. Ta có giờ tưới lần 1 của Đ/c A là  $9,5 \text{ điểm} \times 0,91 \text{ giờ} = 8 \text{h}40 \text{ phút}$  (hoặc quy phút đ/c A được = 520 phút).

*Ví dụ 2:* Lô đ/c Nguyễn Văn B có diện tích nhận khoán 1ha trong đó:

- Độ cao cấp nước mức 4: 30 - 40m = 7 điểm.

- Độ dài cấp nước mức 8: 801 - 900m = 5,55 điểm.

- Tổng số điểm của 2 yếu tố độ cao và dài cấp nước = 12,55 điểm.

Ta có giờ tưới lần 1 của đ/c B

là:  $12,55 \text{ điểm} \times 0,91 \text{ giờ} = 11 \text{h}23 \text{ phút}$  (hoặc quy phút đ/c B được: 687,74 phút).

Vậy giờ tưới lần 1 của đ/c B = 11h23phút (687,74 phút).

*Ví dụ 3:* Lô đ/c Nguyễn Văn C có diện tích nhận khoán = 1ha.

- Có độ cao cấp nước > 40m = 8 điểm.

- Độ dài cấp nước mức 15: 1500m = 7,3 điểm.

- Tổng số điểm của 2 yếu tố độ dài và độ cao cấp nước = 15,3 điểm.

Ta có giờ tưới lần 1 của chủ lô C:  $15,3 \text{ điểm} \times 0,91 \text{ ha} = 13 \text{h}55 \text{ phút}$  (hoặc quy phút đ/c C được: 835 phút).

Vậy giờ tưới lần 1 của đ/c C = 13h55phút (835 phút).

- Căn cứ phương pháp tính các đợt 2 + 3 theo định mức kế hoạch để tính số giờ được hưởng cho các chủ lô nhận khoán đội tự làm, Công ty kiểm tra.

-Vị trí đặt máy tưới trực tiếp vào trung chuyển do Công ty và đội thống nhất xác định.

-Độ dài cấp nước của tưới trực tiếp được tính từ vị trí đặt máy đến hàng cà phê xa nhất của lô. Độ dài tưới trung chuyển được tính từ hố tưới trung chuyển đến hàng cà phê xa nhất của lô. Độ dài từ hồ nước đặt máy tưới đến hồ trung chuyển Công ty tính vào chi phí tưới chung cho toàn Công ty.

**5- Điểm ảnh hưởng gió (tính cho 1ha).** Yếu tố và điểm ảnh hưởng gió được xác định cho từng khu vực để bảo đảm mặt bằng chung giữa các khu vực theo từng khung điểm khác nhau.

+ *Khung 1:* Áp dụng cho một số diện tích của các khu vực đội 2; 3; 10: 1 mức và được tính = 2điểm với những diện tích đồi cao đầu nguồn gió, ít cây đai rừng che chắn.

+ *Khung 2:* Các đơn vị khác còn lại và diện tích ít ảnh hưởng của đội 2, 3, 10 và được xác định 2 mức:

-*Mức 1:* Khu vực nằm ở đồi cao đầu nguồn gió, ít cây đai rừng che chắn: 3 điểm.

-*Mức 2:* Khu vực ít ảnh hưởng lớn, kín và khuất gió: 5 điểm.

**6- Xác định tỷ lệ cà phê quả tươi thành cà phê nhân xô để làm căn cứ tính toán chi trả sản phẩm vượt khoán cho người lao động.** Căn cứ vào làm mẫu thành nhiều năm cà phê quả tươi được xác định 4,6 kg cà phê quả tươi = 1kg cà phê nhân tiêu chuẩn Việt Nam (15 - 1 - 3) vậy chi trả sản phẩm vượt khoán cho người lao động 4,6 kg cà phê nhân, ngoài ra những năm có yếu tố khách quan có sự dao động lớn, Công ty và người lao động nhận khoán sẽ cùng bàn bạc xem xét xử lý, mọi sự xem xét đều phải có sự chấp thuận của cả hai phía.

**+*Bước 3: Tính toán sản lượng giao khoán cho từng công nhân nhận khoán:***

***Bảng 5: Bảng tính chấm điểm chi tiết dùng tính sản lượng giao khoán cho chủ lô:***

stt	Họ và tên	DT ha	Điểm giá trị vườn cây		Điểm phân hạng đất		Điểm ảnh hưởng gió		Điểm độ cao cấp nước		Điểm chất lượng vườn cây		Tổng số điểm
			Tiền (tr đ)	Điểm	Hạng đất	Điểm	Mức độ	Điểm	Độ cao	Điểm	Mức	Điểm	
1	Nguyễn Văn A	1,0	45	45	3	36	Khung 2 (mức 1)	3	< 20m	8	3	3	95

*Nguồn: Tính toán của tác giả*

- Điểm bình quân 1 ha là: 103điểm/ha.

- Mức sản lượng giao khoán cho từng công nhân nhận khoán được tính toán hàng năm và từ đầu năm. Cách tính cụ thể như sau:

#### **A- Tính tổng sản lượng.**

+ Tổng sản lượng sản phẩm phải thu = tổng diện tích x sản lượng bình quân 1 ha.

+ Sản lượng bình quân giao khoán 01ha = 12 tấn.

*Ví dụ:* Tính sản lượng phải thu sản phẩm năm 2007 cho 3 đội 9, 10, 11.

Tổng diện tích cà phê kinh doanh: 190,74 ha.

Sản lượng bình quân là = 12 tấn/ha.

Tổng sản lượng phải thu: 190,74 ha x 12 tấn = 2.288.880 kg.

#### **B- Tính thu sản lượng cho từng chủ lô nhận khoán:**

Tổng sản lượng: 2.288.880 kg.

Tổng điểm: 19.646,22 điểm.

Bình quân 1 điểm: 116,5 kg.

*Ví dụ:* Tính sản lượng cho chủ lô Nguyễn Văn A có diện tích nhận khoán: 1,0 ha.

Tổng điểm bình chấm đạt: 95 điểm.

Sản lượng phải nộp: 95 điểm x 116,5 kg = 11.067,5 kg.

#### **C- Kết quả tính toán cho toàn công ty:**

Sản lượng hàng năm trong cả 3 năm được tính chung cho cả 2 khu vực 3 đội Gia Lai và 7 đội Đắk Lắk. Với bình quân năng suất sản lượng 1ha = 12 tấn/ha. Trên cơ sở đó suy ra năng suất bình quân cho từng đội để các đội làm cơ sở dân chủ bình điểm cho khu vực diện tích của đơn vị nhưng phải dựa trên cơ sở nguyên tắc bình điểm kế thừa của phương án 2007 - 2009. Sản lượng giao khoán thấp nhất không dưới 10,5 tấn/ha/năm, cao nhất không trên 13,5 tấn/ha/năm

### **2.3.2.- Các quy định về cơ chế thực hiện**

#### **2.3.2.1-- Cơ chế đầu tư một phần chi phí và các dịch vụ**

Công ty cung cấp các dịch vụ như vay vốn, vay vật tư và các dịch vụ khác khi người lao động có nhu cầu; Giám sát công tác thực hiện qui trình kỹ thuật chăm sóc vườn cà phê, công tác đầu tư thâm canh, quản lý các chỉ tiêu định mức như: Các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thời gian tưới và lượng nước tưới trên 1Ha Qui định thời điểm thu hoạch và tỷ lệ quả chín khi nhập kho, để đảm bảo chất lượng sản phẩm

Người nhận khoán có nhiệm vụ: Đầu tư theo định mức là bắt buộc nhằm duy trì vườn cây phát triển cho năng suất đạt theo phương án khoán đã xây dựng, đảm bảo thu nhập của người lao động nhận khoán. Ngoài ra người lao động nhận khoán tập trung đầu tư thâm canh thêm các loại phân bón hữu cơ, phân bón vi lượng để tăng độ xốp, tạo độ phì nhiêu cho đất nhằm duy trì vườn cây phát triển bền vững có năng suất cao thì người lao động sẽ được hưởng lợi nhiều hơn trên diện tích nhận khoán Công tác đầu tư thêm để hưởng lợi bước đầu là vận động, nhưng bước tiếp theo Công ty vẫn dùng biện pháp bắt buộc, nếu không đầu tư thì vườn cây sẽ xuống cấp và cho năng suất thấp,

### **2.3.2.2- Cơ chế hưởng lợi**

Công ty thống nhất quản lý toàn bộ sản phẩm trên diện tích nhận khoán (Sản phẩm giao khoán và sản phẩm vượt khoán) Công ty trả sản phẩm vượt khoán theo giá thị trường tại thời điểm (Theo thông báo giá của trung tâm thương mại Tỉnh Đăk Lăk) Cơ quan quản lý phải làm tốt công tác quản lý sản phẩm, để cuối vụ thu hoạch người lao động thanh toán phần nợ mà người lao động vay vốn để đầu tư vào vườn cà phê nhận khoán trong năm

Phân thanh toán người lao động nộp đủ sản lượng đã ký tại hợp đồng giao khoán phân còn lại người nhận khoán hưởng 100%

Khi người nhận khoán đã đến tuổi nghỉ chế độ thì diện tích nhận khoán được thừa kế cho vợ, chồng, các con, anh em Hoặc hết chu kỳ khoán thì vườn cây là sở hữu của Công ty, nhưng người nhận khoán vẫn được quyền nhận lại vườn cây đó theo chu kỳ tiếp theo

### **2.3.2.3-Cơ chế thanh toán**

Người nhận khoán sau khi đã giao đủ sản lượng theo hợp đồng giao khoán đã ký, toàn bộ sản lượng còn lại họ hưởng 100%

Hàng tháng căn cứ vào kết quả nghiệm thu và nhu cầu của người nhận khoán Công ty sẽ cấp cho người nhận khoán vay tiền lương từ 1100000 đến 1600000 đồng, cuối vụ thu hoạch người lao động trả lại cả gốc và lãi theo lãi suất ngân hàng

Thời hạn thanh toán đối với công nhân nhập sản lượng cà phê vào kho chậm nhất là cuối tháng 6 hàng năm

Người nhận khoán nếu thiếu sản lượng mà không có lý do chính đáng thì phải bồi thường đầy đủ sản lượng thiếu và sẽ bị xử lý kỷ luật theo qui định của bộ luật Lao động và nội quy lao động của Công ty

Khi chuyển công tác hoặc nghỉ chế độ thì người lao động phải thanh toán toàn bộ công nợ cho Công ty trước khi giải quyết

## **2.4- Quyền và nghĩa vụ của các bên:**

### **2.4.1- Quyền và nghĩa vụ của bên giao khoán:**

1- Giao diện tích, giá trị, chất lượng vườn cây, sản lượng giao khoán cho người nhận khoán

2- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy trình và nghiệm thu hàng tháng, đợt

3- Đảm bảo vật tư phân bón, nguyên vật liệu và các yếu tố chi phí khác theo lịch thời vụ trên cơ sở dự toán đã được Tư lệnh Quân khu 5 phê duyệt

4- Hàng tháng Công ty đảm bảo cho người nhận khoán ứng tiền lương phục vụ đời sống theo mức quy định chung và trích nộp BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn cho người nhận khoán Cuối năm căn cứ vào kết quả nghiệm thu thực hiện quy trình của người nhận khoán để thanh toán tiền lương còn lại cho người nhận khoán Đồng thời bảo đảm trang bị bảo hộ lao động theo tiêu chuẩn quy định của ngành và thỏa ước lao động tập thể

5- Chịu trách nhiệm nộp các khoản thuế với Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Quân khu 5 theo quy định

6- Thường xuyên kiểm tra tăng cường công tác quản lý, bảo vệ vườn cây Kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi phá hoại vườn cây và lấy cắp sản phẩm

7- Xử lý các trường hợp người nhận khoán vi phạm các cam kết, vi phạm kỷ luật, pháp luật hoặc 2 năm liền không hoàn thành nghĩa vụ giao nộp sản phẩm giao khoán mà không có lý do chính đáng thì Công ty sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng thu hồi vườn cây

8- Trong giao khoán vườn cây ưu tiên cho người lao động trong biên chế, lao động không xác định thời hạn, đảm bảo diện tích giao khoán từ 0,8 ha/lao động trở lên để đảm bảo thu nhập cho người nhận khoán

9- Thu nhận toàn bộ sản phẩm cà phê quả tươi thực tế trên lô do người lao động giao nộp để tổ chức chế biến, tiêu thụ và thanh toán sản phẩm vượt khoán sau khi đã thu 5 % chi phí cho công tác quản lý, và các chi phí thu hái, vận chuyển

10- Khi Nhà nước, Bộ quốc phòng, Quân khu có chủ trương quy hoạch các công trình trên diện tích giao khoán thì Công ty sẽ thu hồi và cùng người nhận khoán tổ chức đánh giá lại để xác định thực trạng vườn cây, thanh lý hợp đồng với người nhận khoán

### **2.4.2- Quyền và nghĩa vụ của bên nhận khoán:**

1- Tiếp nhận đầy đủ diện tích, chất lượng quy trình kỹ thuật và giá trị vườn cây của bên giao khoán

2- Tổ chức tiếp nhận vật tư phân bón và các yếu tố chi phí khác do bên giao khoán cung cấp để chăm sóc vườn cây đảm bảo theo quy trình, đúng lịch thời vụ Chủ động bổ sung đầu tư tăng thêm chi phí để thâm canh tăng năng suất, chất lượng vườn cây, hoàn thành nghĩa vụ giao nộp sản phẩm và tăng thu nhập cho cá nhân hộ gia đình

3- Tổ chức quản lý, chăm sóc theo quy trình và giao nộp toàn bộ sản phẩm thực tế trên lô cho bên giao khoán, sản phẩm thu hoạch phải đạt tỷ lệ chín từ 90% trở lên

4- Hàng năm thực hiện việc kiểm kê đánh giá chất lượng vườn cây và có trách nhiệm chăm sóc vườn cây để đạt được chất lượng vườn A > 60%, loại B < 35 %, loại vườn C < 5% thì bên A mới thanh toán 100% tiền lương cho người nhận khoán

5- Quản lý sử dụng đất đai vườn cây theo đúng quy định của Công ty, tuyệt đối không được tự ý thay đổi cây trồng, tăng giảm diện tích, tự động mua bán vườn cây nhận khoán Khi thay đổi chủ lô nhận khoán phải được sự đồng ý của Công ty

6- Trường hợp người xin nghỉ việc thì phải có trách nhiệm cùng chỉ huy đội và cơ quan công ty kiểm kê bên bàn giao lại vườn cây cho Công ty và phải nộp biên bản bàn giao

7- Nộp toàn bộ sản phẩm cả phê quả tươi thực tế thu hoạch được về kho Công ty, số sản phẩm vượt khoán sau khi trừ các khoản chi phí, Công ty thu 5% chi phí cho công tác quản lý Số còn lại 95% người nhận khoán được nhận về toàn bộ bằng tiền theo giá thị trường tại thời điểm người nhận khoán đề nghị thanh toán Thời hạn kết thúc chốt nhân sản phẩm trước ngày 30 tháng 3 năm sau

8- Tự chịu trách nhiệm bảo vệ vườn cây, sản phẩm trên lô nhận khoán, tuyệt đối không được vi phạm quy chế quản lý, bảo vệ sản phẩm Công ty

9- Người nhận khoán phải tham gia đóng BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn theo quy định của Nhà nước và của cấp trên

10- Người nhận khoán được thanh toán các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo phương án khoán sản phẩm và các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước, quân đội và được quyền chấm dứt hợp đồng trong điều kiện sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, neo đơn và những lý do chính đáng khác được Công ty xem xét chấp nhận Khi chấm dứt hợp đồng người nhận khoán phải bồi thường thiệt hại do mình gây ra (nếu có) đồng thời phải thanh toán hết các khoản công nợ còn tồn đọng trước đó cho Công ty

## **2.5- Kết quả thực hiện phương án khoán:**

### **2.5.1- Sản lượng thực hiện**



Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song với sự cố gắng của tập thể cán bộ, nhân viên trong toàn Công ty, năm 2010 Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, lợi nhuận, tiền lương thu nhập của người lao động được đảm bảo so với kế hoạch đề ra. Công tác đảm bảo cho sản xuất và đời sống người lao động được duy trì đúng theo kế hoạch như: đảm bảo vật tư, phân bón, tiền lương...

Năm 2010 là năm có sản lượng khá sản lượng đạt 9.183,63 tấn(93,22% KH), vườn cây sau thu hoạch vẫn giữ được tốc độ sinh trưởng, phát triển hứa hẹn đảm bảo năng suất sản lượng cao trong mùa sau

Công tác thu hoạch sản phẩm nhanh gọn, an toàn, người lao động tích cực trả nợ sản phẩm khô nợ của những năm trước cho công ty(299,89 tấn cà phê quả tươi).

Công tác chế biến, tiêu thụ sản phẩm được quan tâm đặc biệt, chất lượng sản phẩm được đảm bảo, sản phẩm luôn tiêu thụ đúng thời điểm giá cao, công tác giao nhận hàng, thanh toán nhanh gọn. (Xem Bảng 4)

**Bảng 5: Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2010**

STT	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2010	TH năm 2010	So sánh %
<b>1</b>	Diện tích giao khoán	ha	984,36	988,32	100,4
	Cà phê kinh doanh		904,59	908,55	100,4
	Cao su KTCB		170,7	170,7	100
<b>2</b>	Khối lượng sản phẩm sản xuất	Tấn	10.350,92	9.483,52	91,6
	Sản lượng cà phê thu hoạch		9.850,92	9.183,63	93,2
	Sản lượng cà phê thu nợ		500	299,89	60
	Phân hữu cơ vi sinh 1.4.1		2.000	1.515,9	76
	Phân hữu cơ vi sinh 5.3.5		1.500	1.126,5	75
<b>3</b>	Khối lượng sản phẩm tiêu thụ	Tấn			
	Cà phê quả tươi		10.350,92	9.483	91,6
	Phân hữu cơ vi sinh 1.4.1				
	Phân hữu cơ vi sinh 5.3.5				
<b>4</b>	Giá trị sản xuất	Tr.đ		85.790	
<b>5</b>	Tổng Doanh thu	Tr.đ		72.003	
	Trong đó: Doanh thu cà phê			52.401	
<b>6</b>	Nghĩa vụ nộp ngân sách	Tr.đ		9.379	

<b>7</b>	Giá trị tăng thêm	Tr.đ	48.941,1	67.113,7	137
<b>8</b>	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ		6.656	
<b>9</b>	Lao động và thu nhập				
	Lao động	Người		1.368	
	Thu nhập bình quân	Tr. đ		3,500	
<b>10</b>	Đầu tư XDCB	Tr.đ		18.377,0	

(Nguồn phòng KH-KT và kinh doanh)

### 2.5.2- Doanh thu , lợi nhuận :

Năm 2010 giá cả phê trên thị trường tăng khá cao đồng thời công ty luôn bám sát tốt thị trường để tiêu thụ sản phẩm nên doanh thu đạt cao 72.003 triệu đồng trong đó doanh thu sản phẩm cà phê đạt 52.401 triệu đồng đã mang lại lợi nhuận cao, lợi nhuận trước thuế đạt 6.656 triệu đồng.

### 2.5.3- Chi phí:

Công ty đã chủ động tự sản xuất phân hữu cơ vi sinh đảm bảo đủ nguyên liệu cho toàn bộ diện tích cà phê giao khoán, đồng thời thay thế cho loại phân vô cơ không có tác dụng cải tạo đất. Vì vậy chi phí trực tiếp cho sản xuất có tỷ lệ hợp lý 72,52% (50.028.943 đồng /68.981.718 đồng), trong đó chi phí nguyên nhiên vật liệu là 17.461.362 đồng chiếm có 25,3%.

**Bảng 6 : Chi phí cà phê với quả tươi / 1ha (năm 2010)**

STT	Khoản mục	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>50.028.943</b>	72,52
<b>1</b>	<b>Chi phí nguyên vật liệu</b>	<b>17.461.362</b>	25,31
	Nguyên vật liệu chính	13.405.000	19,43
	Vật liệu phụ	4.056.362	5,88
<b>2</b>	<b>Chi phí nhân công</b>	<b>32.567.581</b>	47,21
	Tiền lương	24.160.000	35,02
	BHXH, BHYT, KPCĐ	7.547.405	10,94
<b>II</b>	<b>Chi phí gián tiếp</b>	<b>17.424.805</b>	25,26
<b>1</b>	<b>Chi phí sản xuất chung</b>	<b>4.345.027</b>	6,30
	Chi phí nhân viên phân xưởng	1.392.905	2,02
	Chi phí nguyên vật liệu	252.606	0,37
	Chi phí công cụ, dụng cụ	303.127	0,44
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.141.779	1,66

	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	227.345	0,33
	Chi phí khác bằng tiền	1.027.265	1,49
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>9.894.833</b>	14,34
	Chi phí nhân viên quản lý	589.415	0,85
	Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu	673.616	0,98
	Đồ dùng VPP	378.909	0,55
	Khấu hao TSCĐ, sửa chữa lớn TSCĐ	5.298.022	7,68
	Thuế, phí và lệ phí	134.723	0,20
	Chi phí dự phòng	427.126	0,62
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.203.054	1,74
	Trích trước chế độ nghỉ phép	870.000	1,26
	Chi phí gián tiếp khác	319.968	0,46
<b>3</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1.527.969</b>	2,22
	Chi phí vật liệu bao bì	168.404	0,24
	Chi phí khác bằng tiền	1.359.565	1,97
<b>4</b>	<b>Lãi vay</b>	<b>3.184.946</b>	4,62
<b>5</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>68.981.718</b>	100,00

(Nguồn: Phòng tài chính-kế toán)

#### 2.5.4- Tình hình giao nộp sản phẩm:

**Bảng 7: Sản phẩm giao nộp của người nhận khoán năm 2010**

STT	Đơn vị	D.tích (ha)	Chỉ tiêu SL đầu năm (kg)	Tổng giảm	Nợ tồn 2009	Chỉ tiêu SL 2010	Sản phẩm thực nộp 2010	Trong đó nộp KH 2010	Số lượng	
									So với KH 2010	T.ợ 09 về trước
<b>A</b>	<b>Khu vực Đăk Lăk</b>	<b>357,03</b>	<b>4.295.556</b>	<b>0</b>	<b>1.557.239</b>	<b>5.852.795</b>	<b>4.501.441</b>	<b>3.915.028</b>	<b>586.413</b>	<b>52.683</b>
1	Đội 1	74,09	901354	0	128179	1029533	895520	810731	84789	6627
2	Đội 2	53,27	620809	0	215075	835974	639813	566970	72843	5603
3	Đội 3	67,02	802102	0	371791	1.173.893	993351	774729	218623	9398
4	Đội 5	58,86	714073	0	228468	942541	739056	664015	75041	11592
5	Đội 6	33,29	397063	0	459222	856265	325369	298960	26429	2595
6	Đội 7	70,50	86006	0	154501	101459	908312	799623	108689	16968

<b>B</b>	<b>Khu vực Gia Lai</b>	<b>190,74</b>	<b>2284338</b>	<b>0</b>	<b>163681</b>	<b>2418019</b>	<b>2578818</b>	<b>2132370</b>	<b>446458</b>	<b>16000</b>
1	Đội 9	62,03	756232	0	19438	775670	832489	716620	115869	6022
2	Đội 10	53,71	623287	0	111939	715226	627732	579331	88401	7226
3	Đội 11	75,00	904819	0	32304	937123	1118607	876419	242188	2752
	<b>Tổng cộng</b>	<b>547,77</b>	<b>6.579.894</b>	<b>0</b>	<b>1.720.920</b>	<b>8.300.814</b>	<b>7.080.269</b>	<b>6.047.398</b>	<b>1.032.871</b>	<b>68.683</b>

(Nguồn: Phòng kế hoạch KT và kinh doanh)

**Bảng 8: Sản phẩm giao nộp của người nhận khoán năm 2009**

D.tích (ha)	Chỉ tiêu SL đầu năm (kg)	Tổng giảm	Nợ tồn 2008	Chỉ tiêu SL 2009	Sản phẩm thực nộp (kg)			Số lượng SP vượt (kg)			Số P. 200	
					T. nộp	Bù mất trộm	Cộng	Trong đó nộp KH 2009	So với KH 2009	T.nợ 08 về trước		Được tính toán
604,51	6.878.680		2.562.987	9.422.328	7.355.192	300	7.355.492	6.281.624	1.073.868	38.244	1.035.624	

			<b>9.339</b>										
	<b>419,37</b>	<b>4.722.373</b>	<b>8.554</b>	<b>2.482.613</b>	<b>7.186.432</b>	<b>4.834.940</b>	-	<b>4.834.940</b>	<b>4.221.552</b>	<b>613.388</b>	<b>37.372</b>	<b>576.016</b>	
	74,09	871.717	.044	127.517	997.190	964.145	-	964.145	835.148	613.388	3.824	125.155	
	53,27	599.590	00	236.012	834.902	630.478	-	630.478	566.439	128.997	9.448	54.591	
	67,45	779.695	.729	377.250	1.155.216	891.503	-	891.503	737.656	64.039	9.885	143.962	
	81,76	947.620	.529	450.613	1.396.704	898.722	-	898.722	824.294	153.847	1.318	73.111	
	56,85	645.922	.284	867.005	1.506.643	487.982	-	487.982	426.585	74.428	1.436	23.961	
	70,50	831.872	6.268	90.24	915.844	823.027	-	823.027	749.475	25.397	744	72.809	
	15,45	45.956		333.976	379.932	139.08		139.083	45.956	73.552	10.700	82.427	
	<b>B</b>	<b>2.156.307</b>	<b>785</b>	<b>80.374</b>	<b>2.235.897</b>	<b>2.520.252</b>	<b>300</b>	<b>2.520.552</b>	<b>2.060.072</b>	<b>93.127</b>	<b>873</b>	<b>459.608</b>	
	62,03	731.336		10.706	742.042	924.561	-	924.561	721.34	460.480	-	203.220	
0	48,11	550.240	785	57.550	607.006	535.833	-	535.833	487.254	203.220	873	47.707	
1	75,00	874.731	-	12.118	886.849	1.059.858	300	1.060.158	851.477	48.579	-	208.681	
	<b>1011</b>	<b>6.901.080</b>	<b>9.339</b>	<b>2.562.987</b>	<b>9.444.728</b>	<b>7.427.125</b>	<b>630</b>	<b>7.427.125</b>	<b>6.304.024</b>	<b>1.123.401</b>	<b>38.244</b>	<b>1.085.157</b>	

(Nguồn:

Phòng kế hoạch KT và kinh doanh

Thông qua các số liệu trên 2 bảng ta thấy: số sản lượng giao khoán mà lao động nhận khoán còn thiếu hụt vẫn còn cao, tồn đọng từ năm này qua năm khác, ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả sản xuất kinh doanh và công tác thu hồi công nợ của đơn vị. Nguyên nhân là trong quá trình sản xuất việc đầu tư tăng giảm theo từng vườn (diện tích vườn cây có các điểm phân hạng xếp loại tốt có chế độ đầu tư, chăm sóc thấp hơn so với những diện tích có điểm phân hạng thấp), nhưng chế độ đầu tư hiện nay được giao khoán đồng đều theo diện tích (theo định mức lao động, đầu tư trung bình cho 1ha) trong khi đó chế độ đầu tư, chăm sóc của các vườn khác nhau. Nên số diện tích nhận khoán có sản lượng khoán cao hơn thực tế thì người nhận khoán sẽ khó khăn trong quá trình đầu tư, chăm sóc vườn cây, nên vườn cây được đầu tư, chăm sóc thấp hơn so với thực tế vườn cây cần đầu tư trong sản xuất, dẫn tới năng suất vườn cây kém bền vững, thu nhập của người lao động thấp và chưa thực sự yên tâm trong việc nhận khoán vườn cây cà phê.

## **2.6- Các khoản chi phí của người nhận khoán được thanh toán bằng giá trị sản phẩm cà phê quả tươi:**

### **2.6.1- Tính toán sản lượng giao khoán.**

\*Trên cơ sở phương án khoán 2007-2009, Công ty đã điều chỉnh tăng 3 điểm/1 ha, sản lượng dự kiến giao khoán: 12 tấn/ha/ năm suốt cả 3 năm 2010-2012 (tăng 3,45% )

Cơ sở đưa sản lượng giao khoán bình quân 12 tấn/ha/năm đó là:

+Khả năng, tăng trưởng phát triển của vườn cây được đánh giá qua 3 năm và những năm tiếp theo của chu kỳ kinh doanh.

+Chính sách của Nhà nước về tiền lương và các bảo đảm khác của người lao động tại doanh nghiệp tại thời điểm giao khoán.

+Nghĩa vụ và các khoản doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước cấp trên theo quy định, các khoản nộp thay cho người lao động.

+ Chi phí đầu tư trực tiếp và chi phí chung.

+Các khoản chi phí quản lý, lãi vay ngân hàng.....

+Giá bán dự kiến trong năm 2010 và 2 năm tới/đơn vị sản phẩm.

+Lợi nhuận dự kiến.

+Dự phòng rủi ro và cải tạo nâng cấp tài sản vườn cây.

*Chính sách nâng cao đời sống và thu hồi nợ đọng:*

+Tổng chi phí 1ha năm 2010 : 68.981.718 đồng (chưa tính đến lộ trình nâng lương, BHXH đến năm 2012)

+Giá bán 1kg quả tươi dự kiến dao động từ 5.800 đến 7.200đ/1kg (trên là các cơ sở để tính giao khoán 12 tấn/ ha/năm).

Đây là mức tính chung, khi tính giao sản lượng cho từng chủ lô cơ sở cách chấm tính điểm thực tế đồng ruộng .với bình quân sản lượng 1 ha :12 tấn vì thế số lượng có thể giao động với từng chủ lô nhận khoán cao nhất không trên 13,5 tấn, thấp nhất không dưới 10,5 tấn

## **2.7- Nhận xét về phương án khoán:**

### **2.7.1- Các định mức trong phương án khoán:**

Các định mức trong phương án khoán về nội dung, khối lượng, số lượng cơ bản phù hợp với điều kiện sản xuất, yêu cầu phát triển của vườn cà phê cũng như đặc điểm điều kiện về tự nhiên về kinh tế và xã hội tại Công ty, đúng chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà Nước.

Công ty đã xây dựng và thực hiện nhiều phương án khoán, nhưng đến nay phương án này cũng cần phải bổ sung chỉnh sửa để từng bước phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất sự phát triển bền vững của vườn cà phê giao khoán, phù hợp với nguyện vọng của tập thể người lao động tại Doanh nghiệp, đồng thời để duy trì Công ty đứng vững và phát triển.

Trong phương án khoán hiện nay còn có những chỉ tiêu, khoản mục được xây dựng thiếu cơ sở khoa học, chưa có tính thuyết phục cần tiếp tục hoàn thiện như: Xác định bậc việc kỹ thuật trong qui trình chăm sóc cà phê, một số khoản mục thuộc chế độ của người lao động theo qui định của Nhà Nước...

Công tác giao khoán đối với vườn cà phê kinh doanh, chưa xác định cụ thể các điều kiện thổ nhưỡng, độ phì nhiêu, độ dốc, hướng gió... của từng diện tích để giao khoán sản lượng chưa thực sự công bằng trong lực lượng lao động nhận khoán.

### **2.7.2- Về phương pháp tính toán tổng số điểm giao khoán cho người lao động :**

Điểm xác định cho ảnh hưởng gió : do hiện nay quá trình chăm sóc cây đai rừng và che bóng đã phủ kín, có khu vực quá dày, rậm rạp đã phải chặt tỉa để bảo đảm độ ánh sáng cho vườn cây phát triển, nên áp đặt rập khuôn theo bảng điểm chấm của phương án cũ 2007 – 2009 là không còn phù hợp .

### **2.7.3- Về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên giao, nhận khoán:**

#### **2.7.3.1- Ưu điểm:**

+ Thứ nhất: quy định chi tiết quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên giao khoán và nhận khoán, phân định rõ phạm vi trách nhiệm của bên giao khoán và bên nhận khoán tạo điều kiện thuận lợi để người nhận khoán dễ nhận biết và thực hiện nội dung khoán đầy đủ

+ Thứ hai: nghĩa vụ bên giao khoán chủ yếu tập trung vào công tác đầu tư thâm canh, năng suất, sản lượng, chất lượng sau thu hoạch, tiền lương, vốn vay

#### **2.7.3.2- Hạn chế:**

##### **\* Nghĩa vụ bên giao khoán**

+ Thứ nhất: Không quy định cụ thể về diện tích, ranh giới, điều kiện thổ nhưỡng độ phì nhiêu của từng thửa đất giao khoán để xác định việc giao sản lượng khoán sát thực tế và có sự công bằng đối với toàn bộ người nhận khoán, công tác khuyến nông không được thực hiện thường xuyên, thời gian ký gửi sản phẩm tại kho đến tháng 3 hàng năm chưa hợp lý

+ Thứ hai: quyền của bên giao khoán về việc tính giá trị khấu hao trong trường hợp vườn cây đã thu hồi hết giá trị chưa được qui định

##### **\* Nghĩa vụ bên nhận khoán:**

+ Thứ nhất: Chưa qui định rõ về trách nhiệm bảo đảm vệ sinh môi trường, công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai như bão, lụt, hạn hán hoặc công tác cải tạo đất đai nhận khoán khi đã bạc màu, hoặc việc thu hồi đất thì giải quyết chế độ đối với người lao động ra sao?

+ Thứ hai: Chưa qui định rõ quyền của người nhận khoán trong trường hợp bị thiên tai, rủi ro ( được hưởng các chính sách nào, và ở cấp nào chịu trách nhiệm)

### **2.7.4- Đánh giá chung:**

#### **2.7.4.1- Ưu điểm:**

Công ty quản lý toàn bộ quy trình kỹ thuật sản xuất, định mức đầu tư, sản phẩm giao nộp hàng năm, do vậy kiểm soát được chất lượng sản phẩm, chủ động được nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu



Các định mức chi phí xây dựng phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty, đáp ứng được yêu cầu sinh trưởng, phát triển của vườn cà phê, do đó, vườn cà phê phát triển tốt, cho năng suất cao, ổn định

Trong điều hành sản xuất, bằng các biện pháp khuyến khích, động viên người nhận khoán đầu tư thêm lao động sống và lao động vật hóa, cải tạo nâng cao độ phì nhiêu của đất, thâm canh vườn cà phê phát triển bền vững

#### **2.7.4.2- Hạn chế:**

Nếu như trong phương án khoán chi phí: Các định mức đầu tư và kế hoạch sản xuất được định sẵn, do khoán thời gian ngắn, người nhận khoán thực chất chỉ làm công ăn lương (trong khoán), tạo tâm lý thiếu tích cực cho người lao động làm chủ trên vườn cà phê nhận khoán Cộng thêm vào đó là khi giá vật tư đầu vào tăng cao, Công ty điều chỉnh định mức chi phí, trong khi đó người nhận khoán có khó khăn về vốn không đủ điều kiện để đầu tư, ảnh hưởng đến chất lượng vườn cây cà phê và năng suất sản phẩm

Vào mùa khô hạn, lượng nước tại các hồ, đập cạn kiệt không đủ để cung cấp cho các vườn cà phê Gây ảnh hưởng lớn tới năng suất, sản lượng vườn cây Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của thời tiết, chế độ chăm sóc đầu tư vườn cà phê, chất lượng vườn cây... nên năng suất giảm sút, sản lượng giao khoán công nhân nợ còn nhiều, kê nợ tồn đọng từ năm này qua năm khác phải lũy kế chuyển sang năm kế tiếp

Số sản phẩm khoán công nhân nợ còn quá lớn (hơn 2184 tấn), dẫn đến Công ty không thu hồi được vốn gây ảnh hưởng đến quá trình đầu tư, sản xuất, chăm sóc cà phê trong những năm kế tiếp Do vậy, Công ty cần có những biện pháp thiết thực để thu hồi số sản phẩm nợ trên

Trong phương án khoán gọn, Công ty quản lý, thu toàn bộ sản phẩm, chế biến và tiêu thụ đòi hỏi lực lượng quản lý phải tinh thông nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc. Mặc dù bộ máy hoạt động tương đối hiệu quả, song chi phí vẫn còn lớn

Cơ chế hưởng lợi (phần sản phẩm vượt khoán): Người nhận khoán được chi trả thông qua Công ty, người nhận khoán không được quyền tự chủ quyết định tiêu thụ sản phẩm vượt khoán. Cần cải tiến áp dụng cơ chế thu mua theo giá thị trường

Chưa quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của đội sản xuất vào phương án khoán, vì đội sản xuất là đơn vị trực thuộc công ty được giám đốc công ty giao chỉ huy

quản lý trực tiếp mọi hoạt động của đội và chịu trách nhiệm trước giám đốc về kết quả quản lý của đơn vị mình

## CHƯƠNG 3

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN PHƯƠNG ÁN KHOÁN

---

### **3.1- Một số quan điểm về hoàn thiện phương án khoán**

Hoàn thiện phương án khoán nhằm mục đích xác lập quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của người lao động, hộ gia đình trên từng vườn cây. Khoán là một những biện pháp tổ chức, quản lý điều hành sản xuất đạt được hiệu quả cao, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên. Khoán phải đi liền với sự quản lý doanh nghiệp tức là khoán phải có sự chỉ đạo, kiểm tra chứ không thả lỏng.

Khoán sản phẩm là tăng cường trách nhiệm và ý thức của người lao động trong doanh nghiệp nhằm tạo ra năng suất lao động cao, có hiệu quả về kinh tế và xã hội

Việc hoàn thiện phương án khoán tại Công ty cà phê 15 là dựa trên cơ sở về điều kiện thực tế: điều kiện kinh tế - xã hội và tình hình sản xuất, thực trạng vườn cây cà phê trên địa bàn nghiên cứu, từ đó đưa ra một số giải pháp tổ chức sản xuất, mức khoán hợp lý nhất, nhằm hài hòa lợi ích giữa các bên.

Khoán phải căn cứ vào qui định của chính sách, pháp luật về lao động, đất đai, cơ chế tài chính hiện hành của nhà nước, nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và điều kiện thực tế của doanh nghiệp ( nguồn vốn, nguồn nhân lực, thổ nhượng, độ dốc, hướng gió, nước tưới, điều kiện giao thông môi trường xã hội ...)

Ngoài ra, khi xây dựng phương án khoán, cần chú ý chất lượng vườn cây và khả năng của người nhận khoán cũng như các định mức kinh tế kỹ thuật và thực tế sản xuất, kế thừa và phát huy những ưu điểm của phương án khoán trước đây

### **3.2- Nguyên tắc giao khoán:**

Chu kỳ khoán 3 năm, hàng năm phải điều chỉnh các khoản mục chi phí, về lương và tiền, nếu chế độ chính sách của Đảng nhà Nước thay đổi hoặc giá cả thị trường biến động tăng, giảm có liên quan đến phương án khoán thì sẽ được điều chỉnh đưa ra Đại hội công nhân viên chức bàn bạc, thống nhất đi đến sửa đổi và đề nghị lên cấp trên xem xét quyết định

Tính toán các định mức giao khoán trên cơ sở bằng lượng để giảm rủi ro cho cả hai bên giao và nhận khoán Lợi ích các bên giao khoán và bên nhận khoán phải căn cứ vào số lượng, chất lượng lao động trực tiếp, lao động quản lý, trách nhiệm, kết quả của sản xuất kinh doanh, qui định rõ về quyền và nghĩa vụ của bên giao khoán cũng như bên nhận khoán Phải công khai, dân chủ, đảm bảo thực hiện đúng những cam kết đã ghi trong hợp đồng giao khoán

### **3.3- Nội dung về hoàn thiện công tác khoán:**

#### **3.3.1- Quy mô giao khoán**

Quy mô giao khoán phải phù hợp với tầm hạn (khả năng) quản lý của người có trách nhiệm cuối cùng. Theo tôi, quy mô này có thể dao động trong khoảng 0,8- 1,2 ha/lao động. Như vậy, vườn cây cà phê mới có được sự kiểm soát, chăm sóc một cách tỉ mỉ, đúng lúc và đúng cách ở từng khâu và toàn bộ quy trình sản xuất.

#### **3.3.2- Trách nhiệm và quyền hạn của đội sản xuất**

Chỉ huy đội sản xuất có quyền quản lý điều hành công nhân lao động, thực hiện nghiêm túc quy trình chăm sóc thâm canh đầu tư vườn cây cà phê kinh doanh theo quy trình đã quy định trong phương án khoán Có trách nhiệm lập kế hoạch triển khai thực hiện công tác tưới nước giữ ẩm, công tác thu hoạch sản phẩm để hạn chế rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp (vì từng hộ nhận khoán theo quy mô nhỏ, tập trung năng lực quản lý của đội sản xuất, của công ty theo quy mô lớn mới khai thác hết năng lực máy móc thiết bị và sản phẩm số lượng lớn gắn với chế biến tiêu thụ trên thị trường)

#### **3.3.3- Nghĩa vụ và quyền hạn bên giao khoán**

##### **3.3.3.1- Nghĩa vụ:**

Xác định đúng diện tích, ranh giới đất giao khoán, phân hạng đất theo điều kiện thổ nhưỡng độ phì nhiêu, nước tưới, hướng gió, độ dốc, chất lượng vườn cây, của từng vùng, từng lô để làm cơ sở tính toán giao sản lượng hợp lý.

Thực hiện công tác khuyến nông, các dịch vụ, cung ứng đầy đủ vật tư phân bón, đảm bảo các chế độ cho người lao động theo qui định

Lập kế hoạch vay vốn kịp thời để người nhận khoán đảm bảo đủ chi tiêu phục vụ trong cuộc sống, phục vụ công tác sản xuất

Tổ chức quản lý, thu mua, tiêu thụ toàn bộ sản phẩm trên diện tích giao khoán trên nguyên tắc thị trường Tránh tình trạng tranh mua, tranh bán làm mất trật tự an ninh trên địa bàn Công ty quản lý

Đối với sản lượng cà phê vượt khoán, chi trả kịp thời theo giá thị trường tại thời điểm (giá báo hàng ngày của trung tâm thương mại Tỉnh Đắk Lắk)

Giải quyết và hướng dẫn các chế độ chính sách đối với người lao động đầy đủ, đúng pháp luật qui định, đúng thời gian.

Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng giao khoán và chia sẻ rủi ro khi có thiên tai, dịch bệnh gây mất mùa.

### **3.3.3.2- Quyền hạn:**

Hướng dẫn kiểm tra hợp đồng giao khoán đúng qui định

Điều hành sản xuất đúng thời vụ, đúng tiến độ, đúng qui trình kỹ thuật

Căn cứ vào chủ trương của Đảng, chế độ chính sách và pháp luật của Nhà Nước, xử lý các hình thức vi phạm hợp đồng, hoặc quyết định bồi thường trong trường hợp lỗi do người nhận khoán gây ra

Đối với giá trị vườn cây thực hiện theo qui định của cơ quan quản lý cấp trên

### **3.3.4- Nghĩa vụ và quyền hạn bên nhận khoán**

#### **3.3.4.1- Nghĩa vụ:**

Chấp hành đúng quy định phòng chống dịch bệnh đối với vườn cây, bảo vệ nguồn lợi của đất, nước và các vật kiến trúc, thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường

Giao nộp đầy đủ sản lượng cà phê và các khoản nộp bằng tiền mà phương án khoán và hợp đồng đã được ký kết với Giám đốc Công ty

Giao toàn bộ sản phẩm trên diện tích nhận khoán, để Công ty tập trung sản phẩm chế biến xuất khẩu đạt giá trị cao có lợi cho người lao động

Sử dụng đất đúng mục đích theo qui định và thường xuyên cải tạo nâng độ phì nhiêu của đất

Thực hiện đúng qui trình kỹ thuật thâm canh chăm sóc vườn cây, đúng tiến độ đúng thời gian, đúng thời vụ

Cuối vụ thu hoạch thanh toán trả bằng tiền tất cả các khoản nợ vay trong năm

Thực hiện đầy đủ các khoản đóng góp xã hội (Ủng hộ bảo lụt, người nghèo, đền ơn đáp nghĩa)

Nếu vi phạm hợp đồng giao khoán gây thiệt hại đối với Công ty thì phải bồi thường theo qui định của pháp luật

Trả lại đất cho Công ty khi có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

#### **3.3.4.2- Quyền hạn:**

Được chủ động sản xuất trên vườn cây nhận khoán, được hưởng thành quả và kết quả đầu tư trên đất nhận khoán và hưởng 100% sản lượng cà phê vượt khoán

Được giải quyết các chế độ chính sách liên quan đến người lao động do Nhà nước qui định

Được đền bù giá trị đầu tư trên diện tích nhận khoán các trường hợp sau:

- + Chuyển công tác, không còn khả năng lao động hoặc Nhà nước thu hồi đất
- + Người thân của người nhận khoán, được quyền thừa kế khi người nhận khoán nghỉ chế độ cho đến hết chu kỳ khoán

Có quyền huỷ bỏ hợp đồng giao khoán, nếu Công ty vi phạm cam kết đã thoả thuận và yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật

#### **3.3.5- Phương thức thanh toán:**

Đến vụ thu hoạch người nhận khoán giao nộp toàn bộ sản phẩm trên lô nhận khoán vào kho Công ty, sau đó người lao động sẽ thanh toán trừ phần sản lượng giao khoán, các khoản nợ vay trong năm, còn lại thì được hưởng 100% theo giá trị thị trường tại thời điểm thanh toán

Nếu giao nộp không đủ sản lượng thì Công ty sẽ ghi nợ và thu năm tiếp theo, những khoản tiền vay phát sinh trong năm sẽ tính theo lãi suất Ngân hàng

#### **3.3.6- Các giải pháp hỗ trợ**

##### **3.3.6.1- Tăng cường nâng cấp hồ, đập:**

Nước là một yếu tố hết sức quan trọng quyết định đến năng suất cà phê. Nước tưới có tác dụng duy trì sinh trưởng và còn là điều kiện để ra hoa, đậu quả của cà phê. Do vậy, hằng năm cần cải tạo hệ thống hồ, đập, giếng tưới bằng cách:

- Xây dựng các quy định bảo vệ, duy trì nguồn nước và khai thác nước dưới đất
- Quy định đội phòng hộ vệ sinh, nạo vét lòng hồ

- Lồng ghép các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội trong vùng với việc bảo vệ nước dưới đất Lồng ghép quy hoạch phát triển rừng đầu nguồn với quy hoạch bảo vệ các nguồn nước Tổ chức đánh giá đầy đủ tiềm năng nguồn nước

- Phân vùng khai thác, cấm khai thác, hạn chế khai thác sử dụng nước dưới đất

- Thiết lập các giải pháp, phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất; lưu giữ nước trong lòng đất

- Tăng cường năng lực hệ thống quan trắc nước dưới đất

- Nâng cao nhận thức của mọi người, tuyên truyền tầm quan trọng của nguồn nước

### **3.3.6.2- Tăng cường công tác quản lý tài chính – thu hồi công nợ:**

- Thực hiện nghiêm quy chế đối với công tác Tài chính của Công ty, Công ty cần chủ động xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch giá thành, kế hoạch chi phí chung, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tinh thần triệt để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành đến mức thấp nhất

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác Tài chính, việc ghi chép, mở sổ sách kế toán, quyết toán cần kịp thời đúng quy định Bên cạnh đó, các hoạt động tài chính phải chấp hành nghiêm luật Kế toán, chế độ tài chính doanh nghiệp hiện hành, giữ vững nguyên tắc, kỷ luật tài chính

- Công tác đối chiếu, nộp nghĩa vụ, nộp ngân sách phải được tiến hành thường xuyên nhằm hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với cấp trên và nhà nước

- Công tác quản lý tài chính cần được tăng cường, cần thanh toán, quyết toán, giải ngân vốn ngân sách, vốn đầu tư xây dựng cơ bản đủ, đúng thời gian quy định

- Công ty cần có quy chế rõ ràng và có nhiều biện pháp thu hồi công nợ như: thu của các chủ lô thôi việc, bỏ việc, thu bằng tiền lương, tiền nhượng bán tài sản, vườn rẫy..., có chính sách ưu đãi với trường hợp tích cực trả nợ đồng thời cũng kiên với những trường hợp dây dưa, cố tình không trả nợ.

### **3.3.6.3- Tăng cường kỹ thuật thâm canh hàng năm:**

Một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới sinh trưởng, phát triển của vườn cây đó là kỹ thuật canh tác của công nhân đang còn kém, mặc dù đã được tập huấn các lớp về kỹ thuật thâm canh cây cà phê với nhưng thực tế trên vườn cây cho thấy: kỹ thuật tạo hình, tia cành cho cà phê chưa đạt yêu cầu; Cành tăm, chồi vượt và cành vô hiệu nhiều đã cạnh tranh dinh dưỡng, ánh sáng với cành mang quả; Cây bị khuyết tán, tán dù, mất đi hệ

thống canh cơ bản dẫn đến năng suất, sản lượng thấp. Vì vậy phải nâng cao trình độ tay nghề, tăng cường kỹ thuật trồng, chăm sóc và thâm canh cây cà phê cho công nhân đứng lô (tập huấn kỹ thuật hàng năm). Ghép cải tạo các cây không có hiệu quả trên vườn: Cây già sứt nặng, cây khuyết tán không có khả năng phục hồi, cây xum xuê ít quả, cây quả nhỏ bằng các tinh dòng cà phê với chọn lọc đã được bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn công nhận.

Bón phân không đúng kỹ thuật và chủ yếu bón theo kinh nghiệm dẫn đến vườn cây sinh trưởng phát triển trung bình kém. Nên bón phân cân đối, hợp lý theo độ phì nhiêu của đất sử dụng nhiều phân hữu cơ vi sinh để tăng độ phì cho đất

- Hướng dẫn đào rãnh ép xanh đúng kỹ thuật, kết hợp với bón phân chuồng để cải tạo bộ rễ

Phun thuốc BVTV đại trà đã làm cho những vi sinh vật và thiên địch có lợi cho vườn cây bị chết, gây lãng phí thuốc và ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Đối với công tác bảo vệ thực vật khi phát hiện sâu bệnh hại nên phun cục bộ (cành nào có, cây nào có mới phun, không phun đại trà). Khi nào mức độ gây hại đến ngưỡng gây hại đến hiệu quả kinh tế (> 7-10%) mới phun đại trà.

- Căn cứ nghị quyết ĐHCNVC hàng năm tại Công ty thì người nhận khoán tự đầu tư cải tạo trồng mới thay thế cây cà phê kém hiệu quả là từ 5-7%/tổng số cây, tương đương từ 50 -70 cây/năm .



# KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

## 1- Kết luận:

Công tác khoán tại Công ty TNHH MTV cà phê 15 về cơ bản đã khắc phục được những nội dung chưa hoàn thiện trong công tác khoán hiện tại Giải quyết được một số nguyện vọng chính đáng của người lao động như:

Chu kỳ khoán 3 năm và được thừa kế diện tích nhận khoán cho người thân, để người lao động yên tâm gắn bó đầu tư thâm canh vườn cây phát triển bền vững lâu dài

Các chi phí đối với người lao động được tính đúng tính đủ về các chính sách và chế độ đảm bảo được sự công bằng

Các chỉ tiêu về diện tích giao khoán, tiêu chuẩn để xác định năng suất, sản lượng giao khoán phải được xác định thực tế trong quá trình sản xuất, phải có cơ sở khoa học để người nhận khoán tin tưởng và phấn khởi thực hiện.

Quyền và nghĩa vụ các bên giao khoán và bên nhận khoán được xác định rõ ràng, cụ thể từ đó mỗi bên chủ động tổ chức thực hiện hợp đồng giao nhận khoán

Hiệu quả của phương án khoán: Giao quyền chủ động nhiều hơn cho người nhận khoán trong công tác sản xuất trên diện tích nhận khoán, đầu tư thâm canh hợp lý các loại phân bón cũng như quy trình kỹ thuật để có năng suất cao, thu lợi nhuận nhiều, nâng cao đời sống người lao động

Công ty thu hồi vốn nhanh, nghĩa vụ giao nộp ngân sách Nhà nước ngày càng tăng Đảm bảo hài hòa 3 lợi ích, góp phần vào thắng lợi nghị quyết đại hội Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ (2010-2015) đã xây dựng.

Tuy nhiên trên thực tế công tác tổ chức thực hiện phương án khoán mới vẫn còn nhiều vấn đề cần điều chỉnh cho hợp lý, trong tương lai cần được nghiên cứu và vận dụng nhằm phát triển doanh nghiệp trong mọi điều kiện.

## 2- Đề nghị:

### 2.1 Đối với Nhà Nước:

Cần có quy hoạch tổng thể cho sản xuất kinh doanh cà phê, giữ vai trò điều tiết, tác động tích cực đến sự phát triển của ngành

Cần có chính sách ưu đãi, hỗ trợ thoả đáng cho các doanh nghiệp cà phê về khoan nợ, giảm nợ, thời gian vay vốn vì các doanh nghiệp cà phê đều ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới

Có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất cà phê những năm cà phê mất giá, để giúp doanh nghiệp đứng vững và phát triển người lao động yên tâm công tác

## **2.2 Đối với Công ty TNHH MTV cà phê 15:**

Thường xuyên tổ chức đào tạo, huấn luyện quy trình kỹ thuật chăm sóc cà phê đối với người lao động nhằm tăng năng suất, chất lượng cà phê nhận khoán

Cán bộ kỹ thuật chuyên môn phải được đào tạo cơ bản, đào tạo lại ở các trung tâm giáo dục, các trường dạy nghề để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao với chất lượng hiệu quả cao nhất

Xây dựng bố trí nhân sự sắp xếp cơ quan quản lý tinh gọn và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ công tác trong cơ chế khoán tại đơn vị

Mở rộng mô hình sản xuất kinh doanh dịch vụ, đa dạng hoá sản phẩm nhằm tạo việc làm mới và tăng thu nhập cho người lao động

Các phòng ban Công ty thường xuyên cung cấp thông tin khoa học kỹ thuật, dự báo giá cả thị trường, tiêu thụ sản phẩm với giá có lợi nhất cho người lao động.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Định mức lao động kỹ thuật cho 01 ha cà phê

TT	Danh mục quy trình	Bậc iệc	D/mức nhân	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tạo hình vệ sinh vườn cây sau TH	3,5/6	25	80.000	2.000.000
2	V/c, lắp đặt bảo vệ đường ống 3 lần	3/6	12	80.000	960.000
3	Tưới nước 3 lần	3/6	18	80.000	1.440.000
4	Làm cỏ hàng băng kết hợp sừa bôn 7 lần	3/6	56	80.000	4.480.000
5	Tỉa chồi tạo hình thường xuyên 9 tháng	3/6	24	80.000	1.920.000
6	V/v, bón phân NPK	3/6	6	80.000	480.000
7	V/v, bón phân hữu cơ và sinh hoá hữu cơ	3/6	8	80.000	640.000
8	V/v, bón vôi nông nghiệp	3/6	2	80.000	160.000
9	Phun thuốc sâu 2 lần + Phun thuốc bệnh 1 lần	3/6	13	80.000	1.040.000
10	C/s điều chỉnh cây che bóng, đai rừng 3 lần	3/6	3	80.000	240.000
	Đào hố ép xanh, gom nguyên liệu ép xanh	3/6	45	80.000	3.600.000
	Làm cỏ vệ sinh bờ lô thường xuyên	3/6	3	80.000	240.000
	Bảo vệ sản phẩm	3/6	11	80.000	880.000
	Thu hoạch sản phẩm	3/6	60	80.000	4.800.000
	Kiểm kê	3/6	3	80.000	240.000
	Nhân công vận chuyển sản phẩm	3/6	5	80.000	400.000
	Công dự phòng phát sinh	3/6	8	80.000	640.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>302</b>		<b>24.160.000</b>

(Nguồn: Phòng Tham mưu hành chính)

### Phụ lục 2: Định mức nguyên, nhiên, vật liệu cho 01 ha cà phê trong 01 năm

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	THÀNH TIỀN
1	Phân Đạm SA	Kg	300	3.600	1.080.000
2	Phân Ka ly	Kg	200	10.500	2.100.000
3	Vôi nông nghiệp	Kg	300	900	270.000
4	Thuốc trừ sâu	Lít	3,5	180	630.000
5	Thuốc bệnh	Lít	2	100	200.000

6	Vi lượng	Kg	7	25.000	175.000
7	Vi sinh 1.4.1	Kg	2000	2.300	4.600.000
8	Vi sinh 5.3.5	Kg	1200	3.500	4.200.000
9	Tưới máy Sig-ma	ca	4	998.000	3.992.000
10	Tưới máy C.Pong	Giờ	168	23.761	3.992.000
11	Tưới điện	Giờ	168	14.000	2.352.000

(Nguồn: Phòng kế hoạch KT và kinh doanh)

### Phụ lục 3: Danh mục đồ bảo hộ lao động /năm

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền(đồng)
1	Quần, áo	Bộ	1.074	95.000	102.030.000
2	Mũ	Cái	1.074	42.000	45.108.000
3	Giày vải	Đôi	1.074	555.000	59.070.000
	<b>Cộng</b>				206.208.000

(Nguồn: Phòng Tham mưu hành chính)